

## PHỤ LỤC 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../...../TT-NHNN ngày .../.../..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tên bên đi vay: ..... Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Loại hình bên đi vay: .....

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI TRUNG, DÀI HẠN KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH (Tháng ... năm )

**Đơn vị: nghìn nguyên tệ**

| Tên Bên cho vay                                                                                                       | Thông tin khoản vay |               |          |                       | Kỳ báo cáo   |                  |                    |         |         |              |               |                  | Kế hoạch kỳ tiếp theo |        |         | Ngân hàng cung ứng dịch vụ TK |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|----------|-----------------------|--------------|------------------|--------------------|---------|---------|--------------|---------------|------------------|-----------------------|--------|---------|-------------------------------|--|
|                                                                                                                       | Kim ngạch vay       | Hình thức vay | Bảo lãnh | Loại hình Bên cho vay | Dư nợ đầu kỳ |                  | Phát sinh trong kỳ |         |         |              | Dư nợ cuối kỳ |                  | Rút vốn               | Trả nợ | Trả lãi |                               |  |
|                                                                                                                       |                     |               |          |                       | Tổng         | Trong đó quá hạn | Rút vốn            | Trả gốc | Trả lãi | Thay đổi (*) | Tổng          | Trong đó quá hạn |                       |        |         |                               |  |
| 1                                                                                                                     | 2                   | 3             | 4        | 5                     | 6            | 7                | 8                  | 9       | 10      | 11           | 12            | 13               | 14                    | 15     | 16      | 17                            |  |
| <b>I. Tổng giá trị các khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập hàng trả chậm (quy nghìn USD)</b>                     |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
|                                                                                                                       | xxx                 |               |          |                       | xxx          | xxx              | xxx                | xxx     | xxx     | xxx          | xxx           | xxx              | xxx                   | xxx    | xxx     | xxx                           |  |
|                                                                                                                       |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| <b>II. Chi tiết các khoản vay với hình thức khác (không phải dưới hình thức nhập hàng trả chậm) - Nghìn nguyên tệ</b> |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| <b>1. Các khoản vay bằng USD</b>                                                                                      |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| ...                                                                                                                   |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| .....                                                                                                                 |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| <b>Tổng</b>                                                                                                           |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| <b>2. Các khoản vay bằng EUR</b>                                                                                      |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| ...                                                                                                                   |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| .....                                                                                                                 |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| <b>Tổng</b>                                                                                                           |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |
| <b>3. Các khoản vay bằng .....</b>                                                                                    |                     |               |          |                       |              |                  |                    |         |         |              |               |                  |                       |        |         |                               |  |

|                                                                  |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |  |
|------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|--|
| ...                                                              |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |  |
| .....                                                            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |  |
| <b>Tổng</b>                                                      |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |            |  |
| <b>Tổng quy nghìn USD các khoản vay nước ngoài thuộc mục II.</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> | <b>xxx</b> |  |

Ghi chú: (\*) Nêu rõ lý do phát sinh Thay đổi tại Cột II và các nội dung (nếu có) .....

**Lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(ký, ghi rõ họ tên)

.....,  
ngày ..... tháng ..... năm .....  
**Người đại diện hợp pháp của Bên đi vay**  
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

### Hướng dẫn lập báo cáo

**1. Đối tượng áp dụng:** Người cư trú là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam thực hiện báo cáo chi tiết tình hình thực hiện các khoản vay nước ngoài trung, dài hạn không được Chính phủ bảo lãnh còn dư nợ trong kỳ báo cáo.

**2. Thời hạn gửi báo cáo:** Chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

**3. Hình thức báo cáo:** Báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Bên đi vay đặt trụ sở chính.

**4. Đơn vị nhận báo cáo:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Bên đi vay đặt trụ sở chính

### 5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Bên đi vay gửi báo cáo điền Mã loại hình bên đi vay theo phân tổ loại hình như sau:

|   | <b>Loại hình Bên đi vay</b>                                                                       | <b>Mã loại hình</b> |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|   | <b>Nhóm doanh nghiệp (không bao gồm các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)</b> |                     |
| 1 | Doanh nghiệp Nhà nước theo định nghĩa tại Luật Doanh nghiệp 2015                                  | SOE                 |
| 2 | Doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu từ 50% đến dưới 100% vốn điều lệ                                  | S50                 |
| 3 | Doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 51 % đến 100% vốn điều lệ               | F51                 |
| 4 | Doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 10% đến 51%                             | F10                 |

|   |                                                                                     |     |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 5 | Doanh nghiệp khác                                                                   | KHA |
|   | <b>Nhóm ngân hàng</b>                                                               |     |
| 6 | Ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | FOB |
| 7 | Ngân hàng thương mại cổ phần khác                                                   | BAK |

- Cột 3 “Hình thức vay”: Ghi theo Mã hình thức vay như sau:

| STT | Hình thức vay                                                                                                        | Mã loại hình |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Vay bằng tiền (bao gồm khoản vay trực tiếp bằng tiền hoặc thông qua hợp đồng ủy thác cho vay với người không cư trú) | T            |
| 2   | Vay thông qua hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm                                                                  | H            |
| 3   | Vay thông qua phát hành công cụ nợ                                                                                   | B            |
| 4   | Vay thông qua hình thức thuê tài chính                                                                               | L            |

- Cột 4 “Bảo lãnh”: Ghi tất đối tượng bảo lãnh cho khoản vay theo ký hiệu sau: Bảo lãnh bởi người cư trú (R); Bảo lãnh bởi người không cư trú (NR); Khoản vay không có bảo lãnh (N).

- Cột 5 “Loại hình bên cho vay”: ghi theo các Mã loại hình bên cho vay như sau: (i) bên cho vay là công ty mẹ, công ty thành viên thuộc công ty mẹ (IN); (ii) bên cho vay là: Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quốc tế (CI); (iii) bên cho vay là: Các đối tượng khác không thuộc 2 đối tượng nêu trên (Đối với khoản vay hợp vốn, ghi theo Bên cho vay chiếm đa số) (KH).

- Cột 11 “Thay đổi” điều chỉnh giá trị dư nợ trong kỳ nhưng không làm phát sinh dòng tiền do: (i) biến động tỷ giá khi quy đổi từ đồng tiền vay sang USD giữa các kỳ báo cáo; (ii) điều chỉnh do báo cáo sai ở (các) kỳ trước; (iii) khoản vay ngắn hạn chuyển trung dài hạn; (iv) chuyển vốn vay thành vốn góp; (v) xóa nợ;...

Cột 11 nhận giá trị (+) nếu phát sinh tăng, giá trị (-) nếu phát sinh giảm, bên đi vay báo cáo rõ nội dung phát sinh thay đổi.

- Cột 12 = Cột 6 + Cột 8 - Cột 9 + Cột 11

- Công thức kiểm tra: Cột 6 của Kỳ báo cáo = Cột 12 của Kỳ báo cáo liền trước